SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGÔ THÌ NHẬM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGÔ THÌ NHẬM

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 02436857745
- Địa chỉ thư điện tử: c3ngothinham@hanoiedu.vn
- Cổng thông tin điện tử: https://thpt.ngothinham.hanoi.vn

3. Loại hình: Cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của BCH trung ương Đảng Khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; mục tiêu GDPT tại điều 2 của luật giáo dục (Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 16/6/2019); Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững GDĐT đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2161/QĐ- BGDĐT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022, nhà trường xác định sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu cơ bản sau:

4.1. Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo, có khả năng hợp tác và thích ứng.

4.2. Tầm nhìn: Là cơ sở giáo dục công lập của ngành giáo dục và đào tạo Hà Nội, giáo dục và đào tạo học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, tiên tiến, có nhân cách và trí tuệ thời đại, có khả năng thích ứng nhanh và có tinh thần hợp tác.

4.3. Mục tiêu cơ bản của nhà trường:

- Xây dựng đội ngũ: đảm bảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có chất lượng (Phẩm chất tốt, chuyên môn giỏi, phong cách đẹp, hợp tác, sáng tạo, khát vọng vươn lên) nhằm đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục và của học sinh.

- Giáo dục học sinh: chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh khó khăn trong học tập. Giáo dục 5 phẩm chất cơ bản: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

10 năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực chuyên môn: năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiê và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- Tăng cường khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao chất lượng dạy và học.

- Giữ vững danh hiệu Trường chuẩn Quốc gia.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Ngô Thì Nhậm được thành lập năm 1977, có địa chỉ tại xã Đại Thanh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội- mảnh đất giàu truyền thống hiếu học, sinh ra nhiều danh nhân.

Quy mô đào tạo trong 3 năm của nhà trường, phát triển như sau:

Năm học	Số lớp	Số học sinh các khối			Tổng số HS toàn trường
		Khối 10	Khối 11	Khối 12	
2023 - 2024	44	681	716	611	2008
2024 - 2025	44	698	704	713	2115
2025-2026	45	690	691	704	2 085

Về cơ sở vật chất: nhà trường được xây dựng trên khuôn viên có diện tích 10 000m^2, với những hạng mục công trình xây dựng. Sau các năm xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất đến nay, nhà trường đang được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội và Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trì triển khai Dự án Xây dựng thêm phòng học cho Trường THPT Ngô Thì Nhậm để đủ phòng học, các phòng chức năng và trang thiết bị dạy học.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, 81 giáo viên, 05 nhân viên và 05 lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ- CP. Nhà trường ký hợp đồng lao động thỉnh giảng, khoán việc với 08 giáo viên và
03 nhân viên.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong 3 năm học

-Kết quả xếp loại rèn luyện đạo đức:

Năm học	Tốt	Khá	Trung bình/Đạt	Yếu/Chưa đạt
2023 - 2024	1979	28	1	0
2024- 2025	2097	18	0	0
2025-2026	2074	11	0	0

-Kết quả xếp loại học lực:

Năm học	Giỏi/Tốt	Khá	Trung bình/Đạt	Yếu/Chưa đạt	Kém
2023 - 2024	1271	685	52	0	0
2024- 2025	1470	604	40	1	0
2025-2026	1589	472	24	0	0

Tỉ lệ đỗ vào đại học hàng năm đạt trên 100 %.

Kết quả các cuộc thi của học sinh: Đạt giải trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp Thành phố dành cho học sinh lớp 12: 08 giải; giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp cụm: 74 giải năm học 2025-2026;

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Đỗ Mạnh Thành
Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Ngô Thì Nhậm, Xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội.
Số điện thoại: 0914 352 785

7.Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Trường THPT Ngô Thì Nhậm được thành lập theo Quyết định số /QĐ-UBND Thành phố Hà Nội ngày 10/10/1977 của UBND Thành phố Hà Nội.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c)Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

-Hiệu trưởng được bổ nhiệm, điều động theo Quyết định số 463/QĐ-SGDĐT ngày 20/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

-Phó Hiệu trưởng Nguyễn Minh Thư được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1622/QĐ-SGDĐT ngày 04/7/2024 của Sở GDĐT Hà Nội.

-Phó Hiệu trưởng Đỗ Thùy Linh được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 2684/QĐ-SGDĐT ngày 21/10/2025 của Sở GDĐT Hà Nội

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số …./QĐ-THPTNTN ngày 04 tháng 6 năm 2025.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

<table>
<tr><td colspan="2">Cấp ủy, Ban Giám hiệu</td></tr>
<tr><td colspan="2">Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng
Đỗ Mạnh Thành</td></tr>
<tr><td>Phó Bí thư Đảng bộ, Phó Hiệu trưởng Nguyễn Minh Thư</td><td>Chi ủy viên, Phó Hiệu trưởng Đỗ Thùy Linh</td></tr>
</table>

Chi ủy viên, Bí thư chi bộ			Chi ủy viên Phạm Văn Cung		
Tổ chuyên môn, Văn phòng					
Tổ Văn phòng: Tổ trưởng Lê Kim Tuyến	Tổ Toán; Tổ trưởng Nguyễn Thị Phượng	Tổ Ngữ văn; Tổ trưởng Hoàng Thị Hạnh	Tổ Tự nhiên; Tổ trưởng Nguyễn Hương Giang	Tổ Xã hội; Tổ trưởng Nguyễn Thị Hương Huệ	Tổ Ngoại ngữ và GD Thể chất- GD QP an ninh; Tổ trưởng Nguyễn Đỗ Thị Nga

đ) Quyết định thành lập: Trường THPT Ngô Thì Nhậm được thành lập theo Quyết định số /QĐ-UND ngày 10/10/1977 của chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

-Họ và tên: Đỗ Mạnh Thành

-Chức vụ: Hiệu trưởng

-Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Ngô Thì Nhậm, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội.

-Số điện thoại: 0914 352 785

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

-Quy chế dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số …./QĐ-THPTNTN ngày .. tháng .. năm 2025 của trường THPT Ngô Thì Nhậm.

-Các nghị quyết của hội đồng trường phê duyệt các văn bản: Kế hoạch giáo dục của nhà trường, Thông qua Báo cáo Tự đánh giá, Phương hướng chiến lược phát triển, Kế hoạch cải tiến chất lượng, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy hoạch nhân sự…của nhà trường.

-Quy định về quản lí hành chính, nhân sự, tài chính gồm: Quy trình giải quyết các thủ tục hành chính; Đề án vị trí việc làm; Quy chế chuyên môn; Quy chế quản lí, sử dụng tài sản; Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	**94**		**24**	**62**		**8**	**8**	**65**	**21**		**94**		
I	**Giáo viên** Trong đó số GV dạy môn:	**81**		**21**	**60**				**63**	**18**		**81**		
1	Toán	14		5	9				9	5		14		
2	Vật lý	6		2	4				2	4		6		
3	Hóa học	7		4	3				4	3		7		
4	Sinh học	4		2	2				3	1		4		
5	Tin học	5		2	5				4	1		5		
6	Ngữ văn	11			9				11			11		
7	Lịch sử	5		2	5				5			5		
8	Địa lý	4		1	3				4			4		
9	Công nghệ	3		1	2				3			3		
10	TDTT	6			6				3	3		6		
11	QPAN	2			2				2			2		
12	GDCD	4		2	2				3	1		4		
13	Tiếng Anh	10		2	8							10		
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**2**	**1**				**1**	**2**		**3**		
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2		2		

III	**Nhân viên**	**10**			**2**		**8**	**8**	**2**			**10**		
1	Nhân viên văn thư	1			1		1	1				1		
2	Nhân viên kế toán	1							1			1		
3	Nhân viên thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1	1				1		
5	Nhân viên thư viện	1					1	1				1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1				1			1		
7	Nhân viên bảo vệ, phục vụ	5					5	5				5		

2.Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó có cán bộ, giáo viên có bằng Thạc sĩ *(đạt 25,53%)*.

3.Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% giáo viên đạt hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích đất nhà trường là 10 000m^2, bình quân diện tích sử dụng hơn 4.8m^2/HS. Khu sân khấu và sân chơi phía trước.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	30	
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	30	

2	Số phòng học bộ môn	9	
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
4	Bình quân học sinh/lớp	2 805/45	46,3 hs/lớp
III	**Tổng số diện tích đất**	**10 000**	
IV	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập**		
V	**Tổng diện tích các phòng**	**3.700**	
1	Diện tích phòng học (m2)	1.800	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	900	
3	Diện tích thư viện (m2)	385	
4	Diện tích nhà tập đa năng (m2)	450	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn (m2)	65	
6	Diện tích phòng truyền thống (m2)	100	
VI	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1,1	Khối lớp 10	3	03 bộ/15 lớp
1,2	Khối lớp 11	3	03 bộ/15 lớp
1,3	Khối lớp 12	3	03 bộ/15 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2,1	Khối lớp 10	0	
2,2	Khối lớp 11	0	
2,3	Khối lớp 12	0	
VII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (đơn vị tính: bộ)	72	Số học sinh/ bộ

	Nội dung	Số lượng (m2)
VIII	**Nhà bếp**	0
IX	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
X	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		
XI	**Khu nội trú**	0		

XII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

	Nội dung	Có	Không
XIII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIV	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XV	**Kết nối internet**	x	
XVI	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XVII	**Tường rào xây**	x	

4.Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1.Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

-Kết quả tự đánh giá năm 2025: Đạt mức 2, Chuẩn Quốc gia Mức độ 2

2.Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

-Kết quả đánh giá ngoài năm 2054: Đạt mức 2, Chuẩn Quốc gia Mức độ 1

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

-Kết quả tuyển sinh: 690 học sinh (Chỉ tiêu được giao: 675 học sinh)

-Tổng số học sinh: 2 085; chia ra: lớp 10: 690 HS, lớp 11: 691, lớp 12: 704

2.Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

-Kết quả học tập của học sinh

Tổng số HS	Kết quả học tập									
	Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/ KĐ		Kém	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2085	1589	76%	472	22.6%	24	1.4%	0	0	0	0

-Kết quả xếp loại đạo đức học sinh

Tổng số HS	Kết quả rèn luyện							
	Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/CĐ	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2085	2074	99,47%	11	0,53%			0	0

- Số lượng học sinh được lên lớp và đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp: 636 HS; học sinh không được lên lớp: 0.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

-Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 704 HS.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính 2025-2026 theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	**Năm học 2025-2026**			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	95.000đ/tháng	Giữ nguyên mức thu như năm học 2024 - 2025
2	Nước uống	Đồng/học sinh/tháng	12.000đ/tháng	
3	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết		

II	**Năm học 2026 - 2027**			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	95.000đ/tháng	Dự kiến giữ nguyên mức thu như năm học 2025 - 2026
2	Nước uống	Đồng/học sinh/tháng	12.000đ/tháng	
3	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết		

b) Các khoản chi phân theo:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	**Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài**	Đồng	22.701.483.000	
2	**Mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất)**			
2.1	*Mức cao nhất*	*Đồng/người/tháng*	*22.275.000*	
2.2	*Mức bình quân*	*Đồng/người/tháng*	*14.378.000*	
2.3	*Mức thấp nhất*	*Đồng/người/tháng*	*3.602.000*	
3	**Mức chi thường xuyên/1 học sinh**	Đồng/học sinh/năm	11.349.000	
4	**Chi mua sắm trang thiết bị.**	Đồng		

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí đối với học sinh.

STT	Nội dung	Số người	Số tiền (đồng)	Ghi chú
A	**Học kỳ I**			
1	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	22	13.200.000	HS khuyết tật
B	**Học kỳ II**			

1	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	22	16.500.000	HS khuyết tật
	Tổng số cả năm học 2025-2026	**44**	**29.700.000**	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI

- Kết quả đánh giá xếp loại cuối năm học 16 CBGVNV đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 65 CBGVNV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo thường niên của trường THPT Ngô Thì Nhậm.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGÔ THÌ NHẬM

Đỗ Mạnh Thành